

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 40/2024/DS-ST
Ngày: 23 - 9 - 2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Bà Nguyễn Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2023/TLST-DS ngày 21/11/2023 về việc: “*TrA chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 403/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Tuyết L**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số C4/134, ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị Kim A**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số C2/092, ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L và bà A vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2023 và lời khai có tại hồ sơ nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết L trình bày:***

Bà Lê Thị Tuyết L và bà Lê Thị Kim A là hàng xóm hơn ba mươi năm, hai bên gia đình chơi với nhau từ lâu và giữa hai bên không xảy ra bất kỳ mâu thuẫn nào.

Từ khoảng tháng 3/2021 đến tháng 8/2021, bà L cho bà A vay tiền khoảng bốn lần với tổng số tiền là 1.030.000.000đ (một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng) để bà A có vốn làm ăn buôn bán, mua đất và đáo hạn Ngân hàng. Khi vay do tin tưởng nên không làm giấy tờ. Hai bên không thỏa thuận lãi suất mà chỉ thỏa thuận miệng, khi nào bà L cần lấy lại tiền thì báo trước cho bà A biết.

Tháng 10 năm 2021 bà L đến gặp bà A để đòi lại số tiền cho vay nhưng chồng bà A nói bà A không có ở nhà, đi đâu không rõ. Do đó, bà L đã nộp đơn tố cáo bà A tại Công an huyện Thống Nhất. Tại cơ quan Công an huyện Thống Nhất bà A thừa nhận có vay của bà L số tổng số tiền là 1.030.000.000đ (một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng) nhưng không có khả năng thanh toán. Sau đó bà L đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà A trả nợ nhưng không được. Do bà A đã bỏ đi khỏi địa phương không có tin tức gì nên bà L đã làm đơn đề nghị Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Lê Thị Kim A. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2023/QĐST-DS ngày 05/4/2023 Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất đã thông báo tìm kiếm bà Lê Thị Kim A, sinh năm 1975 vắng mặt tại nơi cư trú theo địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Số C2/092, ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Từ khi Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất thông báo tìm kiếm bà Lê Thị Kim A vắng mặt tại nơi cư trú đến nay vẫn không có tin tức gì của bà A.

Nay bà Lê Thị Tuyết L yêu cầu bà Lê Thị Kim A có nghĩa vụ trả toán trả cho bà L tổng số tiền nợ là 1.030.000.000đ (một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng). Ngoài ra bà L không có yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn bà Lê Thị Kim A đã được Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không hợp tác đến Tòa án làm việc:**

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa: Về thẩm quyền giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất giải quyết là đúng thẩm quyền; Về xác định tư cách tố tụng là đúng; Thời hạn giải quyết đúng quy định; Hồ sơ gửi Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục tổng đạt cho đương sự đúng quy định; Xác minh thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị Kim A có nghĩa vụ trả toán trả cho bà Lê Thị Tuyết L số tiền nợ là 1.030.000.000đ (một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng).

Về án phí: Bà Lê Thị Kim A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả trả tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Kim A thA toán số tiền nợ nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Lê Thị Kim A có địa chỉ nơi cư trú tại số C2/092, ấp B, xã Q, huyện T. Căn cứ vào các 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về đánh giá chứng cứ:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Kim A không hợp tác đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến đối với việc vay tiền của bà Lê Thị Tuyết L. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập toàn bộ tài liệu, chứng cứ là hồ sơ giải quyết tố cáo của bà L đối với bà A tại cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Thống Nhất vào năm 2021.

Căn cứ theo hồ sơ thu thập được thể hiện tại bản tường trình đứng tên bà Lê Thị Kim A đề ngày 06/12/2021 tại cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Thống Nhất thì bà A khai: *“Tôi Lê Thị Kim A có vay lãi số tiền của chị Lê Thị Tuyết L số tiền hai trăm triệu đồng tháng 4/2018 với lãi suất 3%/tháng. Đã trả lãi cho tới tháng 9/2021 (vay làm 5 lần). Còn số tiền còn lại tôi vay lãi cuối tháng 3/2021 với số tiền tám trăm ba mươi triệu đồng với lãi suất 3%/tháng. Tôi đã trả lãi được đến tháng 9/2021.....”*.(BL 49).

Tại biên bản lấy lời khai tại cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện Thống Nhất đề ngày 06/12/2021 của bà Lê Thị Kim A khai như sau: *“.....Vào khoảng tháng 4/2018 tôi có vay của chị Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1972; trú tại ấp Bắc Sơn, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất) số tiền là 200 triệu đồng. Đến tháng 3/2021 tôi tiếp tục vay của chị L 500 triệu. Sau đó tôi trả cho chị L 300 triệu còn lại 400 triệu đồng. Ngày 17/5/2021 tôi mượn tiếp số tiền 180 triệu đồng....08/8/2021 tôi vay tiếp 300 triệu đồng...Đến ngày 22/9/2021 tôi tiếp tục vay thêm 150 triệu đồng. Tổng cộng tôi vay của chị L số tiền là 1.030.000.000đ (một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng).....”*.

Như vậy, mặc dù bà Lê Thị Tuyết L không cung cấp được giấy vay tiền giữa bà L và bà A. Tuy nhiên qua các tài liệu, chứng cứ cũng như lời khai thừa nhận của các bên thể hiện rõ việc bà A vay tiền bà L là có thật. Số tiền đến nay bà A còn nợ bà L là 1.030.000.000đ (một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng). Do đó, đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết L: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà A thừa nhận đến nay còn nợ bà L số tiền là 1.030.000.000đ (một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng) chưa thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Lê Thị Kim A nhưng bà A không hợp tác đến Tòa án làm việc cũng không làm văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn cho thấy bị đơn cố tình né tránh, không có thiện chí trả nợ cho nguyên đơn.

Từ những lập luận trên có đủ cơ sở để xác định việc vay tiền giữa các bên là có thực và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Xét yêu cầu của bà Lê Thị Tuyết L buộc bà Lê Thị Kim A có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ cho bà L số tiền nợ 1.030.000.000đ (một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về chi phí tố tụng và án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 161, Điều 185; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Lê Thị Kim A.

Buộc bà Lê Thị Kim A có nghĩa vụ trả toàn trả cho bà Lê Thị Tuyết L số tiền nợ là 1.030.000.000đ (một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng). Bà Lê Thị Tuyết L không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền phải xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Bà Lê Thị Kim A phải nộp 42.900.000đ (bốn mươi hai triệu chín trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Lê Thị Tuyết L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.450.000đ (hai mươi một triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) tại biên lai thu số 0002503 ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Nguyên đơn và bị đơn, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Thống Nhất;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- THADS H. Thống Nhất;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Thành